



KHỞI ĐỘNG



Trò
chơi:

Ông

non

tìm

mật

Next




$$5\,947 + 3\,528 = ?$$



9 475



9 476



9 477



9 478




$$8\,291 - 635 = ?$$



A 7 655

B 7 657

C 7 656



D 7 658


$$2817 \times 3 = ?$$



A 8 452

B 8 451

C 8 450



D 8 453


$$9\,640 : 5 = ?$$



1 925



1 926



1 927



1 928





Thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

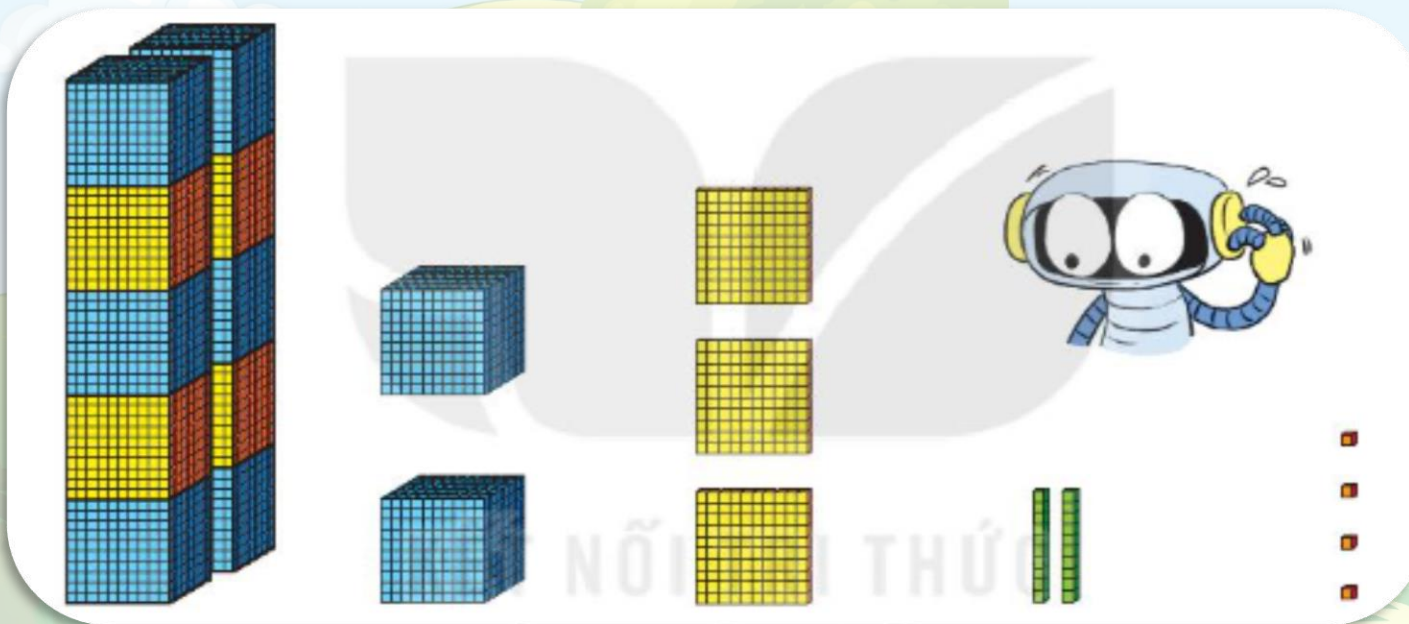
Toán

*Bài 59: CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ.
Số 100 000*

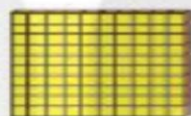
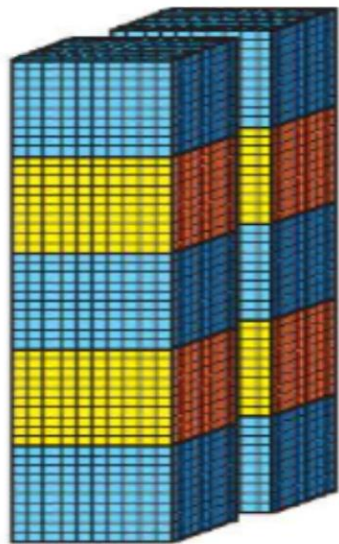


KHÁM PHÁ

Số có năm chữ số



Trong hình, bạn Rô – bốt đang rất bối rối vì không biết làm thế nào để đếm xem có bao nhiêu khối lập phương nhỏ. Các em hãy giúp bạn ấy nhé!



NỘI THỨC

Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
		100		1
	1 000	100	10	1
10 000	1 000	100	10	1
1	2	3	2	4

Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
		100		1
	1 000	100	10	1
10 000	1 000	100	10	1
1	2	3	2	4

Số gồm: 1 chục nghìn, 2 nghìn, 3 trăm, 2 chục và 4 đơn vị

Viết là: 12 324. Đọc là: Mười hai nghìn ba trăm hai mươi tư.



Hoạt động

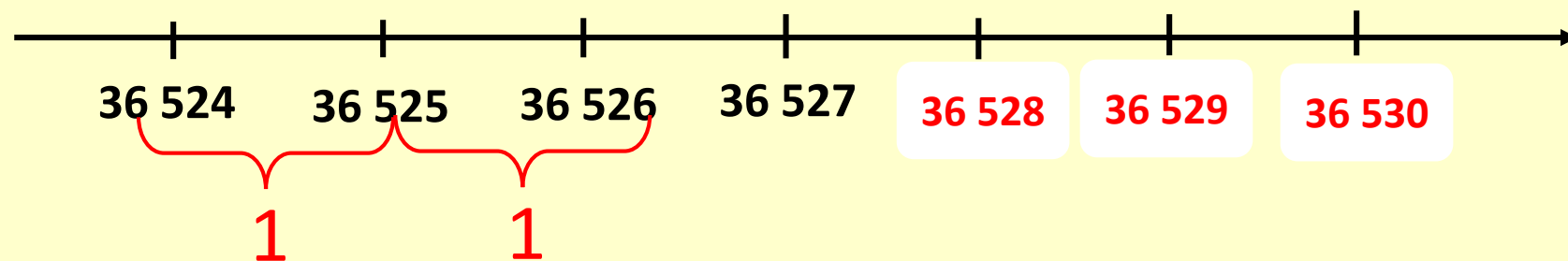


1 Hoàn thành bảng sau

Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Viết số	Đọc số
5	7	4	6	5	57 465	Năm mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi lăm.
9	0	0	5	6	90 056	Chín mươi nghìn không trăm năm mươi sáu
5	0	6	0	2	50 602	năm mươi nghìn sáu trăm linh hai



2 SỐ



3 Viết số rồi đọc số, biết số đó gồm:

- a) 1 chục nghìn, 5 nghìn, 8 trăm, 2 chục và 6 đơn vị
- b) 3 chục nghìn, 2 nghìn, 0 trăm, 4 chục và 3 đơn vị
- c) 6 chục nghìn, 6 nghìn, 4 trăm, 0 chục và 1 đơn vị
- d) 2 chục nghìn, 7 nghìn, 3 trăm, 4 chục và 0 đơn vị



Số gồm	Viết số	Đọc số
a) 1 chục nghìn, 5 nghìn, 8 trăm, 2 chục và 6 đơn vị	15 826	Mười năm nghìn tám trăm hai mươi sáu
b) 3 chục nghìn, 2 nghìn, 0 trăm, 4 chục và 3 đơn vị	32 043	Ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi ba
c) 6 chục nghìn, 6 nghìn, 4 trăm, 0 chục và 1 đơn vị	66 401	Sáu mươi sáu nghìn bốn trăm linh một
d) 2 chục nghìn, 7 nghìn, 3 trăm, 4 chục và 0 đơn vị	27 340	Hai mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi.

4 Chọn số thích hợp với cách đọc:

Bốn mươi nghìn

Tám mươi nghìn

Sáu mươi nghìn

Bảy mươi nghìn

Đây là các số tròn chục nghìn.

70 000

80 000

40 000

60 000

The image shows a matching exercise. At the top, four people in kayaks hold paddles with the following number words in speech bubbles: 'Bốn mươi nghìn' (40,000), 'Tám mươi nghìn' (80,000), 'Sáu mươi nghìn' (60,000), and 'Bảy mươi nghìn' (70,000). Below them are four kayaks with the numbers 70 000, 80 000, 40 000, and 60 000. A robot on the right says 'Đây là các số tròn chục nghìn.' (These are round ten thousand numbers). Red arrows indicate the correct matches: from 'Bốn mươi nghìn' to 40 000, from 'Tám mươi nghìn' to 80 000, from 'Sáu mươi nghìn' to 60 000, and from 'Bảy mươi nghìn' to 70 000.

DẶN DÒ

- Xem lại bài học hôm nay
- Chuẩn bị: bài học tiếp theo



**Tạm biệt và
hẹn gặp lại**